

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2020

V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà La Thị Hồng Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

2. Ông Nguyễn Văn Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 203/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thu T**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ cư trú: tổ 13, ấp 3, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Thanh Tr**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ cư trú: tổ 12, ấp 3, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T và anh Tr xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 10/3/2020 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Phạm Thu T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Thanh Tr tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ngày 13/02/2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, tính tình không phù hợp, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc. Chị và anh Tr đã ly thân, không còn sống chung nhà từ tháng 5/2017 cho đến nay. Nay chị nhận thấy giữa chị và anh Tr tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Huỳnh Thanh Tr.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Phạm Vĩnh K, sinh ngày 02/3/2012.

Hiện cháu K đang sống cùng chị, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 8.500.000 đồng, chị đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2020 bị đơn anh Huỳnh Thanh Tr trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T chung sống năm 2011, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường, khoảng tháng 7/2018 anh chị phát sinh mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 7/2018 đến nay, không hàn gắn đoàn tụ được. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Phạm Vĩnh K, sinh ngày 02/3/2012.

Anh Tr đồng ý giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Do bận công việc nên anh Tr có đơn đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại Tòa án.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh con; Bản tự khai của chị T; Đơn đề nghị xác minh thu thập chứng cứ của chị T; Bản tự khai cháu Huỳnh Phạm Vĩnh K; Biên bản lấy lời khai của anh Tr;

Đơn đề nghị xin vắng mặt của anh Tr; Biên bản xác minh ngày 14/7/2020 tại Công an và UBND xã An Phước; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được; Đơn đề nghị xin vắng mặt của chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tr là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân từ năm 2017, không hàn gắn đoàn tụ được, anh Tr cũng có ý kiến đồng ý ly hôn nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Phạm Vĩnh K, sinh ngày 02/3/2012, hiện cháu K đang sống cùng chị T, anh Tr đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, bản thân cháu K cũng có nguyện vọng sống cùng chị T nên đề nghị giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh Tr không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Phạm Thu T và anh Huỳnh Thanh Tr nhưng chị T và anh Tr có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh Tr.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Tr tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được UBND xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 13/02/2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị T nộp đơn xin ly hôn. Xét yêu cầu ly hôn của chị T có cơ sở chấp nhận bởi lẽ chị T và anh

Tr đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh Tr cũng có ý kiến đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Tr.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Phạm Vĩnh K, sinh ngày 02/3/2012.

Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hiện cháu K đang sống cùng chị T và được chị T chăm sóc tốt, cháu K cũng có ý kiến muốn tiếp tục sống cùng chị T, hiện tại chị T có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Đồng thời, anh Tr cũng có ý kiến đồng ý giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng và anh Tr không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị T, giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Tr không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thu T về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” đối với anh Huỳnh Thanh Tr, xử cho chị Phạm Thu T được ly hôn anh Huỳnh Thanh Tr.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Phạm Vĩnh K, sinh ngày 02/3/2012. Xử giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị T, anh Tr vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh Tr được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003280 ngày 30/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Phạm Thu T và anh Huỳnh Thanh Tr được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ba

Lê Thị Ánh Sáng

La Thị Hồng Gấm